

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-5-2024

Về việc không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN - TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Mai và bà Lê Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST–HNGĐ ngày 24-4-2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Tiến V, sinh năm 1979

- *Bị đơn:* Chị Triệu Thị T, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trịnh Tiến V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh đã khuyên giải nhưng chị T không thay đổi. Hiện anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị T.

Về nuôi con: Anh và chị T có 02 con là Trịnh Thị D, sinh ngày 15-4-1999 và Trịnh Thừa T1, sinh ngày 22-6-2001. Hiện các con đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai ngày 08/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị T trình bày:* Về thời gian chị và anh V chung sống và không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền như anh Trịnh Tiến V trình bày là đúng. Chị và anh V chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được anh chị khắc phục nhưng không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con: Chị và anh Trịnh Tiến V có 02 con như anh V trình bày là đúng. Hiện các con đã trưởng thành và có năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản số 01/GXN-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của UBND xã T, huyện L xác nhận anh Trịnh Tiến V1 và chị Triệu Thị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của dân tộc vào năm 1998 và không đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng. Bị đơn chị Triệu Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trịnh Tiến V và chị Triệu Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị xác định có mâu thuẫn, nay anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án thụ lý, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh V và chị T. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để giải quyết. Tại thời điểm anh V, chị T xác lập quan hệ hôn nhân thì Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực. Tuy nhiên, quy định tại Điều 8

Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đều phù hợp với nhau và đều xác định quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T là không có giá trị pháp lý. Do đó, HĐXX căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành để giải quyết.

[3] *Về nuôi con*: Anh Trịnh Tiến V và chị Triệu Thị T có 2 con là Trịnh Thị D, sinh ngày 15/4/1999 và Trịnh Thừa T2, sinh ngày 22/6/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Trịnh Tiến V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Tiến V và chị Triệu Thị T.

2. *Về án phí*: Anh Trịnh Tiến V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0001717 ngày 24-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh V đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Anh Trịnh Tiến V và chị Triệu Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Tân Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thu Hương

